

TÌM HIỂU LUẬT LÂM NGHIỆP

Câu 1. Luật Lâm nghiệp được Quốc hội thông qua vào thời gian nào?

Trả lời:

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 (sau đây gọi là Luật) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15-11-2017; thay thế Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11. Luật gồm 12 chương, 108 điều và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2019. Luật quy định về những vấn đề sau:

- Nguyên tắc hoạt động lâm nghiệp;
- Chính sách của nhà nước về lâm nghiệp;
- Phân loại rừng;
- Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp;
- Quản lý rừng;
- Bảo vệ rừng;
- Sử dụng rừng;
- Quản lý nhà nước về lâm nghiệp và kiểm lâm.

Câu 2. Theo quy định của Luật thì lâm nghiệp và hoạt động lâm nghiệp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 2 của Luật quy định:

- Lâm nghiệp là ngành kinh tế - kỹ thuật bao gồm quản lý, bảo vệ và phát triển, sử dụng rừng; chế biến và thương mại lâm sản.

- Hoạt động lâm nghiệp bao gồm một hoặc nhiều hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, chế biến và thương mại lâm sản và được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

+ Rừng được quản lý bền vững về diện tích và chất lượng, bảo đảm hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng và ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Xã hội hóa hoạt động lâm nghiệp; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của chủ rừng, tổ chức, cá nhân hoạt động lâm nghiệp.

+ Bảo đảm tổ chức liên kết theo chuỗi từ bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản để nâng cao giá trị rừng.

+ Bảo đảm công khai, minh bạch, sự tham gia của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư liên quan trong hoạt động lâm nghiệp.

+ Tuân thủ điều ước quốc tế liên quan đến lâm nghiệp mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật hoặc văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam chưa có quy định thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Câu 3. Nhà nước có những chính sách gì về lâm nghiệp?

Trả lời:

Điều 4 của Luật quy định Nhà nước có những chính sách đối với lâm nghiệp như sau:

- Chính sách đầu tư và huy động nguồn lực xã hội cho hoạt động lâm nghiệp gắn liền, đồng bộ với chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

- Đảm bảo nguồn lực cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cho hoạt động lâm nghiệp;

- Tổ chức, hỗ trợ pháp lý, bảo vệ và phát triển từng sản xuất; giống cây trồng lâm nghiệp, phục hồi rừng, trồng rừng mới; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; thực hiện dịch vụ môi trường rừng; trồng rừng gỗ lớn, chuyên hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn; kết cấu hạ tầng; quản lý rừng bền vững; chế biến và thương mại lâm sản; hợp tác quốc tế về lâm nghiệp;

- Khuyến khích sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; sản xuất lâm nghiệp hữu cơ; bảo hiểm rừng sản xuất là rừng trồng;

- Bảo đảm cho đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng dân cư sinh sống phụ thuộc vào rừng được giao gắn với giao đất để sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; được hợp tác, liên kết bảo vệ và phát triển rừng với chủ rừng, chia sẻ lợi ích từ rừng; được thực hành văn hóa, tín ngưỡng gắn với rừng theo quy định của pháp luật.

Câu 4. Luật quy định có mấy loại rừng, gồm những loại nào?

Trả lời:

Theo Điều 5 của Luật thì căn cứ vào mục đích sử dụng chủ yếu, rừng tự nhiên và rừng trồng được phân thành 3 loại là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

- Rừng đặc dụng: được sử dụng chủ yếu để bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh kết hợp du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; cung cấp dịch vụ môi trường bao gồm: vườn quốc gia; khu dự trữ thiên nhiên; khu bảo tồn loài và sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan; khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học; vườn thực vật quốc gia; rừng giống quốc gia.

- Rừng phòng hộ: được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, lũ quét, lũ ống, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, cung ứng dịch vụ môi trường rừng; được phân theo mức độ xung yếu bao gồm: rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư, rừng phòng hộ biên giới; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển.

- Rừng sản xuất: được sử dụng chủ yếu để cung cấp lâm sản; sản xuất, kinh doanh lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung cấp dịch vụ môi trường rừng.

Câu 5. Vấn đề về sở hữu rừng được quy định ra sao?

Trả lời: Điều 7 của Luật quy định:

- Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân bao gồm: rừng tự nhiên; rừng trồng do Nhà nước đầu tư toàn bộ; rừng trồng do Nhà nước thu hồi, được tặng cho hoặc trường hợp chuyển quyền sở hữu rừng trồng khác theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng bao gồm: rừng do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đầu tư; rừng được nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng từ chủ rừng khác theo quy định của pháp luật.

Câu 6. Khái niệm chủ rừng theo Luật Lâm nghiệp ? Những đối tượng nào là chủ rừng?

Trả lời:

- Khoản 9 Điều 2 của Luật quy định: chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng; nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng theo quy định của pháp luật.

- Theo Điều 8 của Luật thì đối tượng là chủ rừng gồm:

- + Ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ;
- + Tổ chức kinh tế gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật mà không phải là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất;
- + Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng;
- + Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp;
- + Hộ gia đình, cá nhân trong nước;
- + Cộng đồng dân cư;

+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất.

Câu 7. Những hành vi nào sẽ bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp?

Trả lời: Theo Điều 9 của Luật thì các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp gồm:

- Chặt, phá, khai thác, lẩn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật;
- Đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; chăn, dắt, thả gia súc, vật nuôi và phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, rừng mới trồng;
- Săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loại thực vật rừng, động vật rừng trái quy định của pháp luật;
- Huy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng;
- Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; quản lý các loài ngoại lai xâm hại; dịch vụ môi trường rừng;
- Tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chế biến, quảng cáo, trưng bày, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh lâm sản trái quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- Khai thác tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên khoáng sản, môi trường rừng trái quy định của pháp luật; xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác trái quy định của pháp luật làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng;
- Giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng trái quy định của pháp luật; cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái quy định của pháp luật; chuyển đổi diện tích rừng, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng trái quy định của pháp luật; phân biệt đối xử về tôn giáo, tín ngưỡng và giới trong giao rừng, cho thuê rừng;
- Sử dụng nguyên liệu trong chế biến lâm sản trái quy định của pháp luật.

Câu 8. Việc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được dựa trên căn cứ nào?

Trả lời: Theo Điều 15 của Luật thì việc giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác dựa trên các căn cứ sau:

- Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của UBND cấp huyện được UBND cấp tỉnh phê duyệt; kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- Diện tích rừng, đất quy hoạch để trồng rừng;

- Nhu cầu sử dụng rừng thể hiện trong dự án đầu tư đối với tổ chức, đề nghị giao rừng, thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;

- Năng lực quản lý rừng bền vững của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

Câu 9. Những đối tượng nào được Nhà nước giao rừng đặc dụng không thu tiền sử dụng rừng?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 16 của Luật quy định các đối tượng được Nhà nước giao rừng đặc dụng không thu tiền sử dụng gồm:

- Ban quản lý rừng đặc dụng đối với vườn quốc gia; khu dự trữ thiên nhiên; khu bảo tồn loài - sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan (bao gồm: rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, rừng bảo vệ rừng môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao); rừng giống quốc gia; vườn thực vật quốc gia;

- Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và lâm nghiệp đối với rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, vườn thực vật quốc gia;

- Ban quản lý rừng phòng hộ, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang đối với khu bảo vệ cảnh quan bao gồm rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao xen kẽ trong diện tích rừng được giao;

- Cộng đồng dân cư đối với khu rừng tín ngưỡng mà họ đang quản lý và sử dụng theo truyền thống;

- Tổ chức kinh tế, tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp trong nước đối với rừng giống quốc gia xen kẽ trong diện tích rừng được giao.

Câu 10. Những đối tượng nào được Nhà nước giao rừng phòng hộ không thu tiền sử dụng rừng?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật thì các đối tượng được Nhà nước giao rừng phòng hộ không thu tiền sử dụng rừng gồm:

- Ban quản lý rừng phòng hộ, đơn vị vũ trang đối với rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển;

- Tổ chức kinh tế đối với rừng phòng hộ xen kẽ trong diện tích rừng sản xuất của tổ chức đó;

- Hộ gia đình, cá nhân cư trú hợp pháp trên địa bàn xã nơi có rừng phòng hộ đối với rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển;

- Cộng đồng dân cư cư trú hợp pháp trên địa bàn xã nơi có rừng phòng hộ đối với rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư đó.

Câu 11. Các đối tượng được Nhà nước giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng?

Trả lời:

Tại khoản 3 Điều 16 của Luật quy định Nhà nước giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng cho các đối tượng sau:

- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cư trú hợp pháp trên địa bàn cấp xã nơi có diện tích rừng; đơn vị vũ trang;

- Ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ đối với diện tích rừng sản xuất xen kẽ trong diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được giao cho ban quản lý rừng đó.

Câu 12. Việc chuyển từ loại rừng này sang loại rừng khác phải đáp ứng các điều kiện nào? Những ai có thẩm quyền quyết định chuyển loại rừng?

Trả lời:

- Việc chuyển từ loại rừng này sang loại rừng khác phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật, cụ thể:

+ Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp;

+ Đáp ứng các tiêu chí phân loại rừng;

+ Có phương án chuyển loại rừng.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật thì những người sau đây mới có thẩm quyền quyết định chuyển loại rừng:

+ Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển loại rừng đối với khu rừng do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định chuyển loại rừng không thuộc thẩm quyền quyết định chuyển loại rừng của Thủ tướng Chính phủ sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương chuyển loại rừng.

Câu 13. Điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được Luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 19 của Luật quy định các điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác như sau:

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác;

- Có dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;
- Có phương án trồng rừng thay thế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc sau khi hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế.

Câu 14. Các trường hợp Nhà nước thu hồi rừng? Chủ rừng được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi rừng trong trường hợp nào?

Trả lời:

Theo Điều 22 của Luật thì Nhà nước thu hồi rừng trong các trường hợp sau:

- Chủ rừng sử dụng rừng không đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về lâm nghiệp;
- Chủ rừng không tiến hành hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau 12 tháng liên tục kể từ ngày được giao, được thuê rừng, trừ trường hợp bất khả kháng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận;
- Chủ rừng tự nguyện trả lại rừng;
- Rừng được Nhà nước giao, cho thuê khi hết hạn mà không được gia hạn;
- Rừng được giao, được thuê không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng;
- Chủ rừng là cá nhân khi chết không có người thừa kế theo quy định của pháp luật;
- Các trường hợp thu hồi đất có rừng khác theo quy định của Luật Đất đai.

Chủ rừng được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật khi Nhà nước thu hồi rừng vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; giao rừng, cho thuê rừng không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng.

Câu 15. Việc tổ chức quản lý rừng đặc dụng được Luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 26 của Luật thì tổ chức quản lý rừng đặc dụng gồm những nội dung sau:

- Thành lập ban quản lý rừng đặc dụng đối với vườn quốc gia; khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài – sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan có diện tích tập trung từ 3.000 ha trở lên.

Trường hợp trên địa bàn cấp tỉnh có một hoặc nhiều khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài – sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan có diện tích mỗi khu dưới 3.000 ha thì thành lập một ban quản lý rừng đặc dụng trên địa bàn;

- Tổ chức được giao khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, vườn thực vật quốc gia, rừng giống quốc gia tự tổ chức quản lý khu rừng.

Câu 16. Việc tổ chức quản lý rừng phòng hộ được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 26 của Luật thì tổ chức quản lý rừng phòng hộ gồm những nội dung sau:

- Thành lập ban quản lý rừng phòng hộ đối với rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới có diện tích tập trung từ 5.000 ha trở lên hoặc rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển có diện tích từ 3.000 ha trở lên;

- Giao cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, đơn vị vũ trang trên địa bàn để quản lý đối với các khu rừng phòng hộ không thuộc trường hợp nêu trên.

Câu 17. Trách nhiệm trong việc xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững được quy định ra sao?**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 27 của Luật thì trách nhiệm xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững được quy định như sau:

- Chủ rừng là tổ chức phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững;

- Khuyến khích chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

Câu 18. Phương quản lý rừng bền vững đối với rừng đặc dụng được gồm những nội dung gì?**Trả lời:**

Theo Điều 27 của Luật thì phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng đặc dụng gồm những nội dung cơ bản sau:

- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; thực trạng hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, nguồn gen sinh vật, di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan;

- Xác định mục tiêu, phạm vi quản lý rừng bền vững;

- Xác định diện tích rừng tại các phân khu chức năng bị suy thoái được phục hồi và bảo tồn;

- Xác định hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng;

- Giải pháp và tổ chức thực hiện.

Câu 19. Phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng phòng hộ gồm những nội dung cơ bản nào?**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 27 của Luật thì phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng phòng hộ gồm những nội dung cơ bản sau:

- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; thực trạng tài nguyên rừng;

- Xác định mục tiêu, phạm vi quản lý rừng bền vững;

- Xác định chức năng phòng hộ của rừng;

- Xác định hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng;

- Giải pháp và tổ chức thực hiện.

Câu 20. Phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng sản xuất gồm những nội dung cơ bản nào?

Trả lời:

Khoản 4 Điều 27 của Luật thì phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng sản xuất gồm những nội dung cơ bản sau:

- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; thực trạng tài nguyên rừng; kết quả sản xuất, kinh doanh; đánh giá thị trường có ảnh hưởng, tác động đến hoạt động của chủ rừng;

- Xác định mục tiêu, phạm vi quản lý rừng bền vững;

- Xác định hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng và thương mại lâm sản;

- Giải pháp và tổ chức thực hiện.

Câu 21. Việc đóng, mở cửa rừng tự nhiên được thực hiện trong trường hợp nào?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 30 của Luật thì đóng cửa rừng tự nhiên được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái quy định của pháp luật diễn biến phức tạp, có nguy cơ làm suy giảm nghiêm trọng tài nguyên rừng;

- Rừng tự nhiên nghèo cần được phục hồi; đa dạng sinh học và chức năng phòng hộ của rừng bị suy thoái nghiêm trọng.

Theo khoản 2 Điều 30 của Luật thì trường hợp mở cửa rừng tự nhiên được thực hiện khi khắc phục được tình trạng đóng cửa rừng tự nhiên nêu trên.

Câu 22. Nhà nước có trách nhiệm gì khi đóng cửa rừng tự nhiên?

Trả lời:

Theo Điều 32 của Luật, khi đóng cửa rừng tự nhiên Nhà nước có trách nhiệm sau:

- Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ và phát triển rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong giai đoạn đóng cửa rừng tự nhiên.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ cho chủ rừng khi thực hiện quyết định đóng cửa rừng tự nhiên của Thủ tướng Chính phủ;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định hỗ trợ cho chủ rừng khi thực hiện quyết định đóng cửa rừng tự nhiên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Câu 23. Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Theo Điều 39 của Luật thì phòng cháy và chữa cháy rừng gồm những nội dung sau:

- Chủ rừng phải lập và thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy rừng; chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền;

- Mọi trường hợp sử dụng lửa trong rừng, gần rừng để dọn nương rẫy, dọn đồng ruộng, chuẩn bị đất trồng rừng, đốt rừng mùa khô hanh hoặc dùng lửa vì mục đích khác, người sử dụng lửa phải thực hiện các biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng;

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tiến hành hoạt động trong rừng, xây dựng công trình ở trong rừng, ven rừng phải chấp hành quy định về phòng cháy và chữa cháy; thực hiện biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng của chủ rừng;

- Khi xảy ra cháy rừng, chủ rừng phải kịp thời chữa cháy rừng, thông báo ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; khắc phục hậu quả sau cháy rừng và báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp chữa cháy rừng kịp thời;

- Trường hợp cháy rừng xảy ra trên diện rộng có nguy cơ gây thảm họa dẫn đến tình trạng khẩn cấp, việc chữa cháy rừng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp;

- Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với lực lượng cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn hướng dẫn chủ rừng xây dựng phương án phòng cháy và chữa cháy rừng.

Câu 24. Việc phòng, trừ sinh vật gây hại rừng được quy định ra sao?

Trả lời:

Theo Điều 40 của Luật thì phòng, trừ sinh vật gây hại rừng gồm:

- Việc phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; nuôi và chăn, thả động vật vào rừng phải thực hiện theo quy định của Luật, pháp luật về đa dạng sinh học, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thú y;

- Chủ rừng phải thực hiện các biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; khi phát hiện có sinh vật gây hại rừng trên diện tích rừng được giao, được thuê thì phải báo ngay cho cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật, cơ quan quản lý chuyên ngành

thú y gần nhất để được hướng dẫn và hỗ trợ biện pháp phòng, trừ; tăng cường áp dụng biện pháp lâm sinh, sinh vật trong phòng, trừ sinh vật gây hại rừng;

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức dự báo tình hình dịch bệnh; chỉ đạo biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại rừng;

- Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức, chỉ đạo việc phòng, trừ sinh vật gây hại rừng tại địa phương, không để sinh vật gây hại rừng lây lan sang địa phương khác.

Câu 25. Tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng; nhiệm vụ và quyền hạn của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 41 của Luật thì các đối tượng được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng gồm: Ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ nơi không thành lập kiểm lâm; doanh nghiệp nhà nước, tổ chức không thuộc lực lượng vũ trang được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng và đất rừng.

Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Tuần tra, kiểm tra về bảo vệ rừng, đất rừng quy hoạch cho lâm nghiệp;
- Thực hiện biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng;
- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; được sử dụng công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Câu 26. Trách nhiệm trong việc bảo vệ rừng của toàn dân được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 43 của Luật quy định trách nhiệm bảo vệ rừng của toàn dân như sau:

- Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có trách nhiệm bảo vệ rừng theo quy định của Luật, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thú y và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ rừng về cháy rừng, sinh vật gây hại rừng và hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ rừng; chấp hành sự huy động nhân lực, phương tiện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi xảy ra cháy rừng.

Câu 27. Phát triển giống lâm nghiệp gồm những nội dung nào?

Trả lời:

Theo Điều 44 của Luật thì phát triển giống lâm nghiệp gồm:

- Thiết lập hệ thống rừng giống quốc gia để lưu giữ nguồn gen, cung ứng nguồn giống chất lượng cao bền vững.

- Xây dựng, nâng cấp rừng giống, vườn giống, vườn cây đầu dòng; đối với cây trồng chính, chỉ đưa vào sản xuất, kinh doanh giống, nguồn giống, vật liệu giống được công nhận.

- Nâng cao phẩm chất di truyền, chọn, tạo giống mới có năng suất, chất lượng cao, khả năng chống chịu tốt, đáp ứng yêu cầu kinh doanh lâm sản và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chọn, tạo, nhân giống cây trồng lâm nghiệp cho năng suất, chất lượng cao; tăng cường năng lực quản lý, điều hành sản xuất, cung ứng giống; nâng cao nhận thức về giống cây lâm nghiệp cho người dân và cơ quan, tổ chức.

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục giống cây trồng chính; trình tự, thủ tục công nhận giống, nguồn giống, vật liệu giống.

Câu 28. Luật quy định các biện pháp lâm sinh nào?

Trả lời:

Các biện pháp lâm sinh được Luật quy định gồm:

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc có trồng bổ sung;
- Nuôi dưỡng, làm giàu rừng;
- Cải tạo rừng tự nhiên;
- Trồng rừng mới, trồng lại rừng, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng.

Câu 29. Phát triển rừng đặc dụng gồm những nội dung nào?

Trả lời:

Theo Điều 46 của Luật thì các hoạt động để phát triển rừng đặc dụng như sau:

- Đối với vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài – sinh cảnh, thực hiện các hoạt động như sau:

+ Duy trì cấu trúc rừng tự nhiên, bảo đảm sự phát triển tự nhiên của rừng trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng;

+ Phục hồi cấu trúc rừng tự nhiên; áp dụng biện pháp kết hợp tái sinh tự nhiên với làm giàu rừng, trồng loài cây bản địa trong phân khu phục hồi sinh thái của rừng đặc dụng và phân khu dịch vụ, hành chính của rừng đặc dụng;

- Cứu hộ, bảo tồn và phát triển các loài sinh vật.

- Đối với khu bảo vệ cảnh quan, thực hiện các hoạt động sau đây:

+ Duy trì diện tích rừng hiện có;

+ Áp dụng biện pháp kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, làm giàu rừng để nâng cao chất lượng rừng.

- Đối với khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, thực hiện hoạt động bảo vệ và phát triển rừng theo nhiệm vụ nghiên cứu khoa học do chủ rừng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

- Đối với rừng giống quốc gia, thực hiện hoạt động để duy trì và phát triển rừng theo kế hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với vườn thực vật quốc gia, thực hiện hoạt động sưu tập, chọn lọc, lưu giữ, gây trồng loài cây bản địa gắn với nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, tham quan du lịch.

Câu 30. Phát triển rừng sản xuất gồm những nội dung nào?

Trả lời:

Theo Điều 48 của Luật thì những nội dung phát triển rừng sản xuất gồm:

- Duy trì diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên hiện có; phục hồi rừng tự nhiên ở những diện tích trước đây đã khai thác mà chưa đạt tiêu chí thành rừng; chỉ được cải tạo rừng tự nhiên ở những diện tích không có khả năng tự phục hồi;

- Hình thành vùng rừng trồng tập trung, áp dụng công nghệ sinh học hiện đại và kỹ thuật thâm canh rừng để nâng cao năng suất rừng trồng, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lâm sản;

- Khuyến khích trồng rừng hỗn loài, lâm sản ngoài gỗ; kết hợp trồng cây gỗ nhỏ mọc nhanh và cây gỗ lớn dài ngày; chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn ở những nơi có điều kiện thích hợp.

Câu 31. Kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng như thế nào?

Trả lời:

Điều 51 của Luật thì kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng gồm những nội dung sau:

- Hệ thống đường lâm nghiệp bao gồm đường vận xuất, vận chuyển lâm sản, đường tuần tra bảo vệ rừng; kho, bến bãi tập kết lâm sản;

- Công trình phòng, trừ sinh vật gây hại rừng, cứu hộ, bảo vệ, phát triển động vật rừng, thực vật rừng;

- Công trình phòng cháy và chữa cháy rừng bao gồm đường ranh cản lửa, chòi canh lửa rừng, trạm quan sát, dự báo lửa rừng; kênh, mương, bể chứa nước, đập, hồ chứa nước phòng cháy và chữa cháy rừng;

- Trạm bảo vệ rừng; biển báo, biển cảnh báo, cọc mốc ranh giới khu rừng, tiểu khu, khoảnh và lô rừng;

- Công trình kết cấu hạ tầng cần thiết khác phục vụ bảo vệ và phát triển rừng.

Câu 32. Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng là vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài – sinh cảnh được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 52 của Luật thì đối với vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài – sinh cảnh thì việc khai thác lâm sản được quy định như sau:

- Không khai thác lâm sản trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; không khai thác tận thu cây gỗ đã chết, cây gãy đổ trong phân khu phục hồi sinh thái của rừng đặc dụng;

- Được khai thác tận thu cây gỗ đã chết, cây gãy đổ, nấm trong phân khu dịch vụ; hành chính của rừng đặc dụng;

- Được khai thác tận dụng gỗ, củi, thực vật rừng ngoài gỗ, nấm trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Được thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, nguồn gen sinh vật theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Câu 33. Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng là khu bảo vệ cảnh quan được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Khoản 2 Điều 52 của Luật thì đối với khu rừng bảo vệ cảnh quan thì việc khai thác lâm sản được quy định như sau:

- Được khai thác tận dụng gỗ, củi, thực vật rừng ngoài gỗ, nấm trong quá trình thực hiện biện pháp lâm sinh để bảo tồn, tôn tạo, khôi phục hệ sinh thái, cảnh quan, văn hóa, lịch sử và trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Được thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, nguồn gen sinh vật theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Đối với rừng tín ngưỡng, được khai thác tận thu cây gỗ đã chết, cây gãy đổ, thực vật rừng, nấm, lâm sản ngoài gỗ; khai thác gỗ phục vụ mục đích chung của cộng đồng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Câu 34. Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng là khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Khoản 3 Điều 52 của Luật thì đối với khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học thì việc khai thác được quy định như sau:

- Được khai thác lâm sản theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Được khai thác tận dụng gỗ, củi, thực vật rừng ngoài gỗ, nấm trong quá trình thực hiện điều chỉnh tổ thành rừng, nuôi dưỡng rừng và áp dụng biện pháp lâm sinh khác; khai thác tận thu gỗ, củi, thực vật rừng trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Được khai thác, thu thập các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, nguồn gen phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Câu 35. Việc ổn định đời sống dân cư sống trong rừng đặc dụng và rừng đệm của rừng đặc dụng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc ổn định đời sống dân cư sống trong rừng đặc dụng và rừng đệm của rừng đặc dụng được Luật quy định như sau:

- Không được di dân từ nơi khác đến rừng đặc dụng;
- Ban quản lý rừng đặc dụng khoán bảo vệ và phát triển rừng với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ để bảo vệ và phát triển rừng. Căn cứ điều kiện cụ thể, ban quản lý rừng đặc dụng phối hợp với chính quyền địa phương lập dự án di dân, tái định cư trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để di dân ra khỏi phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng;
- Đối với phân khu phục hồi sinh thái của rừng đặc dụng, ban quản lý rừng đặc dụng khoán bảo vệ và phát triển rừng hoặc hợp tác, liên kết với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ để bảo vệ và phát triển rừng;
- Đất ở, đất sản xuất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư xen kẽ trong rừng đặc dụng không thuộc quy hoạch rừng đặc dụng thì hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được tiếp tục sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng;
- Ban quản lý rừng đặc dụng có trách nhiệm xây dựng chương trình, dự án đầu tư phát triển vùng đệm; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư vùng đệm có sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương; phối hợp với chính quyền địa phương rà soát, lập kế hoạch quản lý đối với diện tích đất ở, đất sản xuất xen kẽ trong rừng đặc dụng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư địa phương hoặc tổ chức có hoạt động trong vùng đệm có quyền giám sát, tham gia thực hiện, phối hợp quản lý chương trình, dự án đầu tư vùng đệm theo quy định của pháp luật;
- Việc thực hiện ổn định đời sống dân cư sống trong rừng đặc dụng và vùng đệm của rừng đặc dụng theo Quy chế quản lý rừng.

Câu 36. Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 55 của Luật thì khai thác lâm sản đối với rừng phòng hộ như sau:

- Đối với rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, được khai thác cây gỗ đã chết, cây gãy đổ, cây bị sâu bệnh, cây đứng ở nơi mật độ lớn hơn mật độ quy định.

- Đối với rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, việc khai thác lâm sản ngoài gỗ được quy định như sau:

+ Được khai thác măng, tre, nứa, nấm trong rừng phòng hộ khi đã đạt yêu cầu phòng hộ;

+ Được khai thác lâm sản ngoài gỗ khác mà không làm ảnh hưởng đến khả năng phòng hộ của rừng.

- Đối với rừng phòng hộ là rừng trồng, được quy định như sau:

+ Được khai thác cây phụ trợ, chặt tỉa thưa khi rừng trồng có mật độ lớn hơn mật độ quy định;

+ Được khai thác cây trồng chính khi đạt tiêu chuẩn khai thác theo phương thức khai thác chọn hoặc chặt trắng theo băng, đám rừng;

+ Sau khi khai thác, chủ rừng phải thực hiện việc tái sinh hoặc trồng lại rừng trong vụ trồng rừng kế tiếp và tiếp tục quản lý, bảo vệ.

Câu 37. Điều kiện khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 58 của Luật thì điều kiện để khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên gồm:

- Chủ rừng là tổ chức phải có phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư khai thác gỗ có đề nghị và được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận.

38. Dịch vụ môi trường rừng bao gồm các loại nào?

Trả lời:

Điều 61 của Luật quy định dịch vụ môi trường rừng gồm các loại sau:

- Bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối.

- Điều tiết, duy trì nguồn nước cho sản xuất và đời sống xã hội;

- Hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh;

- Bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng cho kinh doanh dịch vụ du lịch;

- Cung ứng bãi đẻ, nguồn thức ăn, con giống tự nhiên, nguồn nước từ rừng và các yếu tố từ môi trường, hệ sinh thái rừng để nuôi trồng thủy sản.

39. Luật quy định đối tượng nào được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng? đối tượng nào phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 63 của Luật quy định các đối tượng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng gồm:

- Chủ rừng được quy định tại Điều 8 của Luật;
- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hợp đồng nhận khoán bảo vệ và phát triển rừng với chủ rừng là tổ chức do Nhà nước thành lập;
- Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật.

Khoản 2 Điều 63 của Luật thì các đối tượng sau phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng:

- Cơ sở sản xuất thủy điện phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối, điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất thủy điện;
- Cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch;
- Cơ sở sản xuất công nghiệp phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất công nghiệp;
- Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng;
- Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn phải chi trả tiền dịch vụ về hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng;
- Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải chi trả tiền dịch vụ cung ứng bãi đẻ, nguồn thức ăn, con giống tự nhiên, nguồn nước và các yếu tố từ môi trường, hệ sinh thái rừng cho nuôi trồng thủy sản;
- Các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

40. Việc chi trả dịch vụ môi trường rừng được thực hiện theo hình thức nào?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 63 của Luật quy định các hình thức chi trả dịch vụ môi trường rừng như sau:

- Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trả tiền trực tiếp cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng;
- Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ủy thác qua quỹ bảo vệ và phát triển rừng;
- Nhà nước khuyến khích áp dụng chi trả trực tiếp cho tất cả các trường hợp nếu bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng tự thỏa thuận trên cơ sở mức tiền chi trả dịch vụ do Chính phủ quy định.

41. Luật quy định chủ rừng có những quyền chung nào?

Trả lời:

Điều 73 của Luật quy định quyền chung của chủ rừng gồm:

- Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định của pháp luật;
- Được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;
- Sử dụng rừng phù hợp với thời hạn giao rừng, cho thuê rừng và thời hạn giao đất, cho thuê đất trồng rừng theo quy định của Luật và pháp luật về đất đai;
- Được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng;
- Được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác theo quy định để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng; được hưởng lợi từ công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng do Nhà nước đầu tư;
- Được Nhà nước bồi thường giá trị rừng, tài sản do chủ rừng đầu tư, xây dựng hợp pháp tại thời điểm quyết định thu hồi rừng;
- Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với chủ rừng phát triển rừng sản xuất khi bị thiệt hại do thiên tai;
- Hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để bảo vệ và phát triển rừng;
- Được bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

Câu 42. Nghĩa vụ chung của chủ rừng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 74 của Luật quy định chủ rừng có nghĩa vụ chung như sau:

- Quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững theo Quy chế quản lý rừng, quy định của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng;
- Trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi rừng theo quy định của Luật.
- Bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng;
- Phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng;
- Chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Câu 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Quản lý rừng đặc dụng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 75 của Luật quy định Ban Quản lý rừng đặc dụng có quyền sau:

- Các quyền quy định tại Điều 73 của Luật;
- Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 94 của Luật;
- Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 52, rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo quy định tại Điều 58, rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại Điều 59 của Luật;
- Được cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng theo phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ, giảng dạy, thực tập, hợp tác quốc tế.

Khoản 2 Điều 75 của Luật quy định Ban Quản lý rừng đặc dụng có nghĩa vụ sau:

- Các nghĩa vụ quy định tại Điều 74 của Luật;
- Lập và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt;
- Hỗ trợ cộng đồng dân cư trong vùng đệm ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều 54 của Luật;
- Khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ theo quy định của Chính phủ.

Câu 44. Quyền và nghĩa vụ của Ban Quản lý rừng phòng hộ được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 76 của Luật thì Ban Quản lý rừng phòng hộ có quyền sau:

- Các quyền quy định tại Điều 73 và điểm đ khoản 1 Điều 75 của Luật;
- Cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 94 của Luật;
- Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng là khu bảo vệ cảnh quan theo quy định tại Điều 52, rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 55, rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo quy định tại Điều 58, rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại Điều 59 của Luật.

Khoản 2 Điều 76 của Luật thì Ban Quản lý rừng phòng hộ có nghĩa vụ sau:

- Các nghĩa vụ quy định tại Điều 74 của Luật;

- Lập và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt;

- Khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ theo quy định của Chính phủ.

Câu 45. Tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất có quyền và nghĩa vụ như thế nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 79 của Luật quy định thì tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất có quyền sau:

- Các quyền quy định tại Điều 73 của Luật;
- Được chia sẻ lợi ích từ rừng theo hợp đồng thuê rừng;
- Được sở hữu cây trồng, vật nuôi và tài sản khác gắn liền với rừng do chủ rừng đầu tư;

- Khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo quy định tại Điều 58, rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại Điều 59 của Luật.

Khoản 2 Điều 79 của Luật quy định tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất có nghĩa vụ sau đây:

- Các nghĩa vụ quy định tại Điều 74 của Luật;
- Lập và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt.

Câu 46. Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để trồng rừng có quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 80 của Luật thì tổ chức kinh tế được Nhà nước giao quyền, cho thuê đất để trồng rừng có quyền sau:

- Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất để trồng rừng phòng hộ bằng vốn ngân sách nhà nước có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- + Các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 73 và Điều 74 của Luật;
- + Được tổ chức trồng rừng theo dự toán thiết kế do cơ quan chủ quản nguồn vốn phê duyệt;
- + Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 55 của Luật và được chia sẻ lợi ích từ rừng theo chính sách của Nhà nước.

- Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất để trồng rừng phòng hộ bằng vốn tự đầu tư có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- + Các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 73 và Điều 74 của Luật;
- + Được sở hữu cây trồng xen, vật nuôi và tài sản khác trên đất trồng rừng phòng hộ;

- + Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 55 của Luật.
- Tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất bằng vốn tự đầu tư có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - + Các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 73 và Điều 74 của Luật;
 - + Được sở hữu cây trồng, vật nuôi và tài sản khác trên đất trồng rừng;
 - + Khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại Điều 59 của Luật;
 - + Được chuyển nhượng, cho thuê rừng sản xuất là rừng trồng; thế chấp, góp vốn bằng giá trị rừng sản xuất là rừng trồng.

Câu 47. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng phòng hộ được quy định sao?

Trả lời:

- Quyền của hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước giao rừng phòng hộ:
 - + Có các quyền quy định tại Điều 73 của Luật;
 - + Được Nhà nước bảo đảm kinh phí bảo vệ và phát triển rừng;
 - + Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 55 của Luật và được chia sẻ lợi ích từ rừng theo chính sách của Nhà nước;
 - + Được chuyển đổi diện tích rừng được giao cho hộ gia đình, cá nhân trong cùng xã, phường, thị trấn; cá nhân được để lại quyền sử dụng rừng cho người thừa kế theo quy định của pháp luật.
- Về nghĩa vụ thì hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng phòng hộ phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 74 của Luật.

Câu 48. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước giao rừng sản xuất?

Trả lời:

- Khi được Nhà nước giao rừng sản xuất thì hộ gia đình, cá nhân có các quyền sau:
 - + Các quyền quy định tại Điều 73 của Luật;
 - + Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên, được khai thác lâm sản theo quy định tại Điều 58 của Luật và được chia sẻ lợi ích từ rừng theo chính sách của Nhà nước;
 - + Đối với rừng sản xuất là rừng trồng, được khai thác lâm sản theo quy định tại Điều 59 của Luật; được chia sẻ lợi ích từ rừng theo chính sách của Nhà nước; được sở hữu cây trồng, vật nuôi và tài sản khác gắn liền với rừng trồng do chủ rừng đầu tư;
 - + Được chuyển đổi diện tích rừng được giao cho hộ gia đình, cá nhân trong cùng xã, phường, thị trấn; cá nhân được để lại quyền sử dụng rừng cho người thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Bên cạnh quyền lợi thì khi được Nhà nước giao rừng sản xuất hộ gia đình, cá nhân cũng phải có nghĩa vụ thực hiện theo quy định tại Điều 74 của Luật.

Câu 49. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất có những quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

- Khi được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất, hộ gia đình, cá nhân có quyền sau đây:

- + Các quyền quy định tại Điều 73 của Luật;
 - + Được chia sẻ lợi ích từ rừng theo hợp đồng thuê rừng; được sở hữu cây trồng, vật nuôi và tài sản khác gắn liền với rừng trồng do chủ rừng đầu tư;
 - + Khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo quy định tại Điều 58, rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại Điều 59 của Luật;
 - + Cá nhân được để lại quyền sử dụng rừng cho người thừa kế theo quy định của pháp luật.
- Cùng với các quyền khi được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất hộ gia đình, cá nhân cũng phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 74 của Luật.

Câu 50. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ?

Trả lời:

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ có quyền sau đây:

- + Các quyền quy định tại Điều 73 của Luật;
 - + Được sở hữu cây trồng, vật nuôi và tài sản khác trên đất trồng rừng sản xuất do chủ rừng đầu tư;
 - + Được sở hữu cây trồng xen, vật nuôi và tài sản khác trên đất trồng rừng phòng hộ do chủ rừng đầu tư;
 - + Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 55, rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại Điều 59 của Luật;
 - + Được chia sẻ lợi ích từ rừng trong trường hợp trồng rừng bằng vốn ngân sách nhà nước;
 - + Được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê rừng sản xuất là rừng trồng; thế chấp, góp vốn bằng giá trị rừng sản xuất là rừng trồng;
 - + Cá nhân được để lại quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, quyền sử dụng rừng cho người thừa kế theo quy định của pháp luật.
- Bên cạnh quyền lợi khi được Nhà nước giao đất để trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ thì hộ gia đình, cá nhân cũng phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 74 của Luật.

Câu 51. Cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng tín ngưỡng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất có quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

- Cộng đồng dân cư được giao rừng tín ngưỡng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất có quyền sau đây:

+ Các quyền quy định tại Điều 73 của Luật;

+ Được Nhà nước bảo đảm kinh phí bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ giao cho cộng đồng dân cư;

+ Được hướng dẫn sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp, canh tác dưới tán rừng, chăn thả gia súc theo Quy chế quản lý rừng; được hỗ trợ phát triển kinh tế rừng, hỗ trợ phục hồi rừng bằng cây lâm nghiệp bản địa;

+ Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng là rừng tín ngưỡng theo quy định tại Điều 52, rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 55, rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo quy định tại Điều 58, rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại Điều 59 của Luật; được chia sẻ lợi ích từ rừng theo chính sách của Nhà nước; được sở hữu cây trồng, vật nuôi và tài sản khác trên đất trồng rừng do chủ rừng đầu tư.

- Bên cạnh quyền lợi, khi cộng đồng dân cư được giao rừng tín ngưỡng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất có nghĩa vụ sau đây:

+ Các nghĩa vụ quy định tại Điều 74 của Luật;

+ Hoàn thiện, thực hiện hương ước, quy ước bảo vệ và phát triển rừng phù hợp với quy định của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan;

+ Bảo đảm duy trì diện tích rừng được giao;

+ Không được phân chia rừng cho các thành viên trong cộng đồng dân cư;

+ Không được chuyển nhượng, cho thuê, tặng cho quyền sử dụng rừng; thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng.